

Bản án số: 120/2020/HC-PT

Ngày: 18 - 5 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 65/2020/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2019/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 464/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Cái Thị B, sinh năm 1940 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh N (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Ủy ban nhân dân thành phố V (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 89 L, Phường X1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thế K (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Văn Thị M (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Vũ Quang V, sinh năm 1979 (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Trần Như L – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

- 1/ Ông Cái Văn P (vắng mặt)
- 2/ Ông Cái Văn T1 (vắng mặt)
- 3/ Ông Huỳnh Công V1 (vắng mặt)
- 4/ Ông Nguyễn Văn A (vắng mặt)
- 5/ Bà Cái Thị T2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X1, xã L, TP V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 12/3/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V Văn bản số 1258/UBND -TNMT về việc trả lời đơn của bà Cái Thị B, có nội dung: UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M060056 ngày 19/5/1998 cho bà Văn Thị M thuộc thửa 565, tờ bản đồ số 10, xã L trên cơ sở căn cứ vào hồ sơ địa chính (hồ sơ địa chính lập trên cơ sở các hộ kê khai đăng ký theo Biên bản phân chia đất gia tộc năm 1991), là đúng quy định pháp luật. Do vậy, việc bà B yêu cầu căn cứ vào Biên bản phân chia đất gia tộc ngày 16/5/1998 để cắt trừ diện tích 4000m² trong giấy của bà M để cấp cho bà B là không có cơ sở giải quyết.

Không đồng ý, ngày 24/3/2018 bà B có đơn khiếu nại Văn bản số 1258/QĐ-UBND.

Ngày 08/5/2018, UBND thành phố V có Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 2399/TB-UBND.

Ngày 30/11/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8164/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà B, có nội dung: Bác khiếu nại của bà B, giữ nguyên Văn bản số 1258.

Ngày 20/3/2019, bà B có đơn khởi kiện về “hành vi không giải quyết khiếu nại của UBND thành phố V theo Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 2399/TB-UBND ngày 08/5/2018 của UBND thành phố V là trái pháp luật, và buộc Chủ tịch UBND thành phố V phải giải quyết khiếu nại của bà B theo quy định của pháp luật”.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà B xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Khởi kiện quyết định 8164/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Cái Thị B.

- Yêu cầu UBND thành phố V phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 16/5/1998, theo đó phải điều chỉnh công nhận cho bà B diện tích 4.000m², thuộc một phần thửa 565, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Thôn 1, xã L, thành phố V do đã cấp giấy cho bà M không đúng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bà B trình bày:

Ngày 12/6/1991, gia tộc bà B đã lập Biên bản hòa giải phân chia đất gia tộc (lần một) do cha mẹ để lại. Ngày 16/5/1998, gia tộc tiếp tục phân chia lại đất (lần 2), tất cả cùng có mặt và ký vào biên bản, theo đó diện tích 4.000m² đất vườn tại khu vực Xóm rẫy (thuộc một phần thửa 565, tờ bản đồ số 10) được chia cho bà B. Tuy nhiên, UBND thành phố V lại cấp giấy cho bà Văn Thị M có diện tích đất 4.000m² đã thỏa thuận chia cho bà B là không đúng. Nên bà B đã tranh chấp đất với bà M diện tích 4000m² này, UBND xã L hòa giải nhưng không thành, nên bà B khiếu nại về việc cấp giấy cho bà M không đúng. Diện tích 4.000m² này ông A là con trai bà B vẫn sử dụng từ trước tới nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M trình bày:

Ngày 12/6/1991 gia tộc đã lập biên bản hòa giải phân chia đất gia tộc, được UBND xã L xác nhận ngày 12/6/1991. Theo sự phân chia này, diện tích 4.000m² này của bà M. Trên cơ sở đó bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích 4.000m² này.

Đến ngày 16/5/1998, do áp lực của bà Cái Thị B, gia tộc lại tiếp tục phân chia đất lần 2. Theo đó, lần phân chia này bà M bị ép buộc nên không được chia diện tích 4.000m² nữa, nhưng diện tích đất này bà M đã được cấp giấy theo biên bản phân chia gia tộc lần 1. Do vậy, bà M yêu cầu vẫn giữ nguyên biên bản phân chia đất gia tộc lần 1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2019/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:

Áp dụng Điều 22, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 84 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B.

- Hủy quyết định số 8164/UBND –TNMT ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Cái Thị B;

- Hủy Văn bản số 1258/UBND – TNMT ngày 12/3/2018 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của bà Cái Thị B.

Buộc UBND thành phố V phải thực hiện việc đăng ký, công nhận cho bà Cái Thị B diện tích đất được hưởng theo Biên bản phân chia đất gia tộc, không có tranh chấp; và xem xét, xử lý giấy chứng nhận QSD đất số M060056 ngày 19/5/1998 cấp cho bà Văn Thị M phần liên quan đến diện tích đất công nhận cho bà Cái Thị B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 10 năm 2019, bà Văn Thị M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đương sự nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Người kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đúng nên dẫn đến việc phán quyết tại phần quyết định là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có kháng cáo.

Người bị kiện xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Văn Thị M trình bày:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không thực hiện định giá, thẩm định, đo vẽ dẫn đến sau khi tuyên án thì không thể thi hành án được. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định được phần đất tranh chấp nằm ở vị trí nào của thửa đất 565.

Về nội dung: Nguồn gốc đất là đất gia tộc của ông Cái Văn D và bà Huỳnh N để lại, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Biên bản phân chia đất gia tộc năm 1998 không tuân theo pháp luật dân sự, không đầy đủ chữ ký của những người được thừa kế, việc bà M ký tên vào biên bản năm 1998 là bị ép buộc. Thửa đất 484 không phải do ông A tự khai phá, mà đây là đất gia tộc chia cho bà B nhờ ông A đứng tên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố V đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Lý do vì bản án sơ thẩm không thể thi hành được. Cần phải có cơ quan độc lập thực hiện việc đo vẽ, chỉ ranh, xác định rõ diện tích tranh chấp để sau khi tuyên án có thể thi hành được bản án.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên lời trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét

xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót trong quá trình tiến hành tố tụng như sau:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Từ năm 2014, bà B đã có tranh chấp với bà Văn Thị M đối với phần đất 4.000 m² tại thửa 565. Bà B đã nộp đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà M tại Tòa án nhân dân thành phố V, nội dung yêu cầu là công nhận 4.000 m² đất trong giấy đã cấp cho bà M thuộc quyền sử dụng của bà. Bản chất yêu cầu của bà B là đòi lại quyền sử dụng đất đã được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác, khi phát sinh giao dịch mới là phân chia di sản thừa kế. Tòa án nhân dân thành phố V đã hướng dẫn bà B nộp đơn yêu cầu UBND thành phố V giải quyết theo thủ tục hành chính. Đây là nguyên nhân dẫn đến hàng loạt các sai phạm tiếp theo khi thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục hành chính đối với kết quả giải quyết của yêu cầu của bà B tại UBND thành phố V.

Tính chất vụ án hành chính chỉ xem xét quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước, trong khi yêu cầu của bà B là đề nghị được công nhận quyền sử dụng đất, đã được cấp giấy chứng nhận cho người khác. Quan hệ tranh chấp trong vụ án này phải được xác định ngay từ đầu là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu xem xét quyết định hành chính cá biệt theo Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, và thực hiện theo trình tự tố tụng của vụ án dân sự thì mới có thể giải quyết toàn diện vụ án.

[1.2] Về quá trình thu thập chứng cứ:

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà B là Biên bản hòa giải về việc phân chia đất gia tộc, được UBND xã L xác nhận ngày 16/5/1998. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập, xác minh để làm rõ chứng cứ đương sự dùng để chứng minh là có căn cứ hay không. Cụ thể:

- Văn bản phân chia đất gia tộc năm 1998 chỉ thể hiện diện tích, không thể hiện số thửa, được chia cho 03 người là ông Cái Văn P, ông Cái Văn T1 và bà Cái Thị B, nhưng không nêu rõ mỗi người được chia tại vị trí đất như thế nào. Các đương sự trình bày mâu thuẫn với nhau về phần đất 4.000 m² phân chia cho bà B. Bà M cho rằng phần đất bà B được phân chia là phần đất thuộc thửa 484 do ông Nguyễn Văn A (con bà B) đang sử dụng, đã đăng ký kê khai. Trong khi đó, bà B trình bày ngoài thửa 484, thì ông A còn đang sử dụng 4.000 m² đất tại thửa 565, nên phần đất tại thửa 484 không liên quan đến phần đất được phân chia. Để xác định phần đất bà B được phân chia có thuộc thửa 565 hay không,

Tòa án cần phải tiến hành xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá diện tích đất tranh chấp để làm rõ những nội dung:

+ Phần đất tại xóm rẫy thuộc thửa số mấy trong sơ đồ địa chính quản lý đất đai

+ Thửa 484 và 565 là 2 thửa độc lập, hay có liên quan? Vị trí 2 thửa này như thế nào?

+ Diện tích đất tranh chấp hiện nay ai đang quản lý sử dụng.

+ Hiện trạng đất như thế nào, có tài sản gì trên đất và do ai tạo lập.

Ngày 28/4/2004 bà M có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 diện tích 10.627 m² (gồm 300 m² đất ở và 10.327 m² đất nông nghiệp), đã cập nhật biến động. Do đó, cần phải xem xét, thẩm định để làm rõ vị trí đất mà ông T1 nhận chuyển nhượng có trùng với vị trí đất tranh chấp hay không. Trường hợp vị trí đất ông T1 nhận chuyển nhượng trùng vào vị trí đất mà bà B yêu cầu công nhận, thì quyền lợi của ông T1 là người thứ 3 ngay tình cần phải được bảo vệ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Các đương sự đều thống nhất là có 2 văn bản phân chia đất của gia tộc vào năm 1991 và 1998. Hai văn bản này đều có xác nhận của chính quyền địa phương. Tòa án chưa tiến hành lấy lời khai của những người liên quan tham gia phân chia ruộng đất, để làm rõ vì sao có văn bản thỏa thuận phân chia ruộng đất lần thứ 2? Văn bản phân chia ruộng đất năm 1998 là tiếp nối hay thay thế văn bản phân chia ruộng đất năm 1991? Những nội dung khác nhau giữa 02 văn bản thì văn bản năm nào được công nhận? Khi chưa làm rõ được các vấn đề trên mà Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định theo hướng công nhận văn bản phân chia ruộng đất năm 1998 là chưa có cơ sở.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Pháp luật đất đai quy định trường hợp có thay đổi quyền sử dụng đất đối với phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (người được quyền sử dụng không phải là người được cấp giấy), thì phải có đo vẽ địa chính, xác định tứ cận, vị trí đất để cập nhật biến động. Nếu không có đo vẽ thì thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để cấp lại cho đúng đối tượng theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp người được cấp giấy đã có giao dịch chuyển quyền sử dụng đất thì việc xử lý đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *“Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”*. Đối chiếu với quy định trên thì việc UBND thành phố V không chấp nhận yêu cầu của bà B về việc cắt chuyển 4.000 m² đất tại thửa 565 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M, để công nhận cho bà là đúng.

Tuy vậy, như đã phân tích về tố tụng nêu trên bản chất yêu cầu của đương sự là tranh chấp quyền sử dụng đất. Đúng ra, khi Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu thụ lý vụ án hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định rõ quan hệ tranh chấp (thực tế đã giải quyết quan hệ tranh chấp dân sự) thì Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ vào khoản 1 Điều 34 Luật Tổ tụng hành chính xác định đây là vụ án dân sự, giải quyết theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định. Từ đó, tiến hành đầy đủ việc thu thập chứng cứ thì mới có thể giải quyết đúng bản chất vụ việc. Chính vì xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp nên trong khi giải quyết vụ án hành chính mà Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lại công nhận cho bà B phần diện tích đất theo Biên bản phân chia đất gia tộc năm 1998 là vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm theo khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Bởi việc công nhận hay không công nhận quyền sở hữu cho đương sự là phạm vi giải quyết của vụ án dân sự.

Hơn nữa, về căn cứ mà cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Phía tây của phần đất xóm rẫy (phần đất phân chia cho bà B) và thửa 565 cấp cho bà M đều cùng giáp đất bà T2, và lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho người bị kiện tại phiên tòa ngày 04/10/2019: *“Quá trình giải quyết khiếu nại của bà B, phía bà M cũng đã đồng ý trả lại đất cho bà B”* để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là chưa đủ căn cứ. Vì biên bản phân chia ruộng đất năm 1998 không có số thửa, việc có 1 tứ cận trùng nhau không thể hiện là cùng 1 thửa đất. Tất cả lời trình bày của bà B đều cho rằng ông A đang sử dụng phần diện tích đất tranh chấp, nên nhận định bà M đồng ý trả đất là trái ngược với lời trình bày của người khởi kiện.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng như phân tích ở trên, từ đó dẫn đến phán quyết không phù hợp với quy định pháp luật, cũng như không giải quyết toàn diện vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 34 Luật Tổ tụng hành chính chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án cho đúng quy định pháp luật.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người có kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 34, khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,
Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M.

Hủy toàn bộ bản án hành chính số 74/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Bà Văn Thị M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh BR-VT (1);
- VKSND tỉnh BR-VT (1);
- Cục THADS tỉnh BR-VT (1);
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (1);
- Lưu: (10), 19b (Án VTPT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên